

Bản án số: 544/2025/DS-PT

Ngày: 19/05/2025

V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thu Thủy**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Mỹ Cúc**

Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2025/DSPT ngày 03/03/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1523/2024/DS-ST ngày 01/11/2024 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1517/2025/QĐXXPT-DS ngày 25/3/2025, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc P** năm: 1988

Địa chỉ: Tổ D, Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Mạnh H**, sinh năm: 2000, địa chỉ liên lạc: Lầu F, B Đường Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003500 ngày 17/05/2024 do Văn phòng C1 lập (có mặt)

Bị đơn:

1. Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ (thường trú): 181/8 đường G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang thực tế cư trú: Kế bên trái (nhìn từ ngoài vào) nhà số G đường L - F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Đông T, sinh năm: 1995, địa chỉ: P, số A Đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004300 ngày 22/04/2024 do Văn phòng C2 lập (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ H1 - Luật sư thuộc đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2. Ông **Trần Hiếu N**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 3 Đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang thực tế cư trú: Kế bên trái (nhìn từ ngoài vào) nhà số G đường L - F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Duy A**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: P, số A Đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004301 ngày 22/04/2024 do Văn phòng C2 lập (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và biên bản hòa giải, ông Hà Mạnh H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Trần Thị Ngọc P) trình bày:

Ngày 21/02/ 2020, bà Trần Thị Ngọc P đã cho vợ, chồng bà Lê Thị L mượn nóng số tiền 291.700 SGD (hai trăm, chín mươi một nghìn, bảy trăm đôla Singapore) tương đương 5.256.961.977 đồng (năm tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi một nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng) quy đổi theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 22/02/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2. Tuy nhiên, cho đến nay vợ chồng bà L vẫn chưa trả cho bà Trần Thị Ngọc P số tiền trên nên đã phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu buộc vợ chồng bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N trả cho bà Trần Thị Ngọc P số tiền 291.700 SGD tương đương 5.256.961.977 đồng tính theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 22/02/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tổng cộng là 8.101.554.512 đồng (tám tỷ, một trăm lẻ một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm mười hai đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Tại đơn phản tố đề ngày 23/4/ 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Đông T, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà Lê Thị L) trình bày:

Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 21/02/2020, thì giấy mượn tiền này vi phạm điều cấm của Luật, không có việc vay mượn trên thực tế nên không có giá trị pháp lý, vô hiệu kể từ thời điểm ghi nhận, giao dịch. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu giấy mượn tiền ngày 21/02/ 2020 do vi phạm Điều cấm của Luật và không thật có trên thực tế.

Tại bản tự khai đề ngày 11/7/ 2024 của ông Nguyễn Duy A, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trần Hiếu N) trình bày:

Ông Trần Hiếu N, là anh ruột của cha bà Trần Thị Ngọc P, bà P gọi ông N là chú ruột (theo phong tục địa phương). Khi bà Trần Thị Ngọc P còn nhỏ, ông Trần Hiếu N là người trực tiếp cưu mang, chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà ông N, tạo điều kiện cho bà P ăn học như con gái ruột cho đến khi bà P trưởng thành, ông N chưa từng kể công. Đến khi trưởng thành chuyển đến nơi khác sinh sống và lập gia đình, bà P chưa một ngày chăm sóc, phụng dưỡng lại ông Trần Hiếu N. Bản thân ông N chưa từng và chưa bao giờ vay hoặc mượn bà Trần Thị Ngọc P bất kỳ khoản tiền nào? Vì vậy, khi ông Trần Hiếu N nhận Thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P từ Tòa án, ông Trần Hiếu N vô cùng bất ngờ, ông N rất bức xúc và tức giận vì không có việc ông N vay hoặc mượn tiền của bà Trần Thị Ngọc P trên thực tế. Yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc P là hoàn toàn không có căn cứ. Ngoài ra, ông Nguyễn Duy A đã có đơn đề giải quyết vắng mặt ông và ông Trần Hiếu N với lý do ông Trần Hiếu N đang bị bệnh nặng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 28/03/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

1.1. Buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả cho bà Trần Thị Ngọc P tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền mặt do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 công bố ngày 25 tháng 10 năm 2024 là 5.474.185.133 (năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (bà Trần Thị Ngọc P) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore) ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P với bà Lê Thị L vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối theo giấy mượn tiền ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P với bà Lê Thị L về việc mượn (vay) tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore) vô hiệu.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tạm

tính từ ngày vi phạm (ngày 21 tháng 8 năm 2022) cho đến ngày 22 tháng 02 năm 2024 là 2.844.592.535 (hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

4. Về án phí: bà Trần Thị Ngọc P phải nộp 300.000 đồng án phí DSST. Số tiền trên được trừ vào số tiền 58.050.777 đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012170, ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị Ngọc P còn được nhận lại số tiền là 57.750.777 (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Bà Lê Thị L phải nộp 56.737.093 (năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba) đồng án phí DSST. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Đông T đã nộp thay bà Lê Thị L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0011644, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lê Thị L còn phải nộp 56.437.093 đồng án pháp dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hiếu N được miễn nộp 56.737.093 đồng án phí DSST.

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án này theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 13/11/2024, bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L về việc không thiếu nợ bà Trần Thị Ngọc P nhưng không có chứng cứ gì mới; nên đề nghị

Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo bà Lê Thị L, buộc bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà P số tiền 291.700 Đô la Singapo được quy đổi ra tiền Việt Nam là 5.474.185.133 (theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 25/10/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2). Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hiếu N vì không có căn cứ cho rằng số nợ trên có liên quan đến ông N, do đó ông N không có trách nhiệm trả nợ cùng với bà L như yêu cầu của bà P. Riêng các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị cần giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Trần Hiếu N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Duy A (ông A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa) nên căn cứ vào Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy A.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, những người tham gia tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[4]. Về nội dung:

[4.1] Xét giao dịch dân sự giữa các đương sự và kháng cáo của bà Lê Thị L:

Căn cứ giấy mượn (vay) tiền ngày 21/ 02/2020, thể hiện nội dung bà Lê Thị L có nhận vay của bà Trần Thị Ngọc P với số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm đô la Singapore) giấy này do bà Lê Thị L viết và cam kết trả. Bà L không tranh chấp gì đối với Giấy mượn tiền này mà chỉ cho rằng đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên không có giá trị.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Ngọc P và bà Lê Thị L có phát sinh giao dịch vay tài sản là có thật. Đến nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà P có đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải trả nợ là có cơ sở để chấp nhận. Việc bà L cho rằng không viết giấy nợ gì cũng như không vay mượn tiền gì của bà P nhưng không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình, và cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác tại cấp phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà L.

Tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên đã vi phạm Điều 22 của Pháp lệnh về ngoại hối năm 2005 (đã sửa đổi bổ sung năm 2013), tại điều 22 có quy định: *“trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng*

N3.” nên giao dịch vay mượn giữa bà Trần Thị Ngọc P và bà Lê Thị L không đảm bảo điều kiện được giao dịch ngoại hối theo quy định của pháp luật. Nên giao dịch giữa vô hiệu do vi phạm điều cấm của Luật được quy định tại Điều 117 và Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà L tuyên bố giao dịch giữa các bên vô hiệu là có căn cứ.

[4.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hiếu N (là chồng bà Lê Thị L) xét thấy: theo giấy mượn (vay) tiền ngày 21/ 02/2020 do bà Lê Thị L tự viết và cam kết trả, không có gì chứng minh khoảng tiền trên ông N biết và tiêu dùng phục vụ cho cuộc sống gia đình của vợ chồng, bà P cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông N cùng bà L vay khoảng tiền 291,700 đô S đúng như lời trình bày của ông N; do vậy việc cấp sơ thẩm cho rằng đây là nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Trần Hiếu N mục đích vay: để trang trải cho các nhu cầu thiết yếu, sản xuất, kinh doanh nhằm phát triển kinh tế của gia đình nên buộc ông N có trách nhiệm cùng bà L phải trả cho bà P là không có căn cứ; nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hiếu N sửa án sơ thẩm về việc buộc ông N phải cùng bà L trả nợ cho bà L.

[4.3] Việc bà L cho rằng do giao dịch giữa đôi bên vô hiệu nên phía bị đơn không phải trả lại cho nguyên đơn số tiền là 291,700 SGD là không đúng với qui định của pháp luật vì: Căn cứ vào Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có qui định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; tại khoản 1 có qui định: “ *Giao dịch dân sự vô hiệu không phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập*”; tại khoản 2 có qui định: “ *Khi giao dịch dân sự vô hiệu các bên khôi phục tình trạng ban đầu hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...*” do vậy bà Lê Thị L, phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc P tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền đồng Việt Nam do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 công bố ngày 25/10/2024 số tiền là 5.474.185.133 đồng chứ không như bà L cho rằng giấy vay tiền này không có giá trị pháp lý và không có thực nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P là không đúng qui định của pháp luật.

Về lỗi dẫn đến việc giao dịch dân sự giữa đôi bên bị vô hiệu: hiện không có căn cứ nào cho thấy lỗi thuộc về bên bà P hay bà L; tuy nhiên trong trường hợp này phía bà L đã nhận tiền và sử dụng nên về thiệt hại bà P thiệt hại hơn tuy nhiên phía bà P không yêu cầu thiệt hại gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hà Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của bà P đã rút yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện và không trái luật nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu này là có căn cứ cần giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bà L ông H2 cùng có trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ nên cần sửa án sơ thẩm chỉ buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Ngọc P 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore. Tương đương là 5.474.185.133

đồng được quy đổi theo tỷ giá mua vào SGP/VND ngày 25/10/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí :

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Hiếu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 290, Điều 293; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P về việc buộc bà Lê Thị L, thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P về việc buộc ông Trần Hiếu N, thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

3/Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Ngọc P 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore), được quy đổi theo giá ngoại tệ mua bằng tiền mặt do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 công bố ngày 25/10/2024 số tiền là 5.474.185.133 (năm tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần tại thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore) ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P với bà Lê Thị L vô hiệu.

Tuyên bố giao dịch vay tài sản là ngoại hối theo giấy mượn tiền ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa bà Trần Thị Ngọc P với bà Lê Thị L về việc mượn

(vay) tổng số tiền là 291,700 SGD (hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm Đô la Singapore) vô hiệu.

5/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P về việc buộc vợ, chồng bà Lê Thị L, ông Trần Hiếu N trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền là 2.844.592.535 (hai tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2. Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Ngọc P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 58.050.777 (năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012170, ngày 21/ 3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị Ngọc P còn được nhận lại số tiền là 57.750.777 (năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Bà Lê Thị L phải nộp 113.474.185 đồng (một trăm mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Hoàng Đông T đã nộp thay bà Lê Thị L theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0011644, ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lê Thị L còn phải nộp 113.174.185 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi lăm đồng) đồng án pháp dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040806 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Thủy